

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ**  
**TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 23/12/2020

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG**

**- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh thị Vân Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Ngô Phiên

2. Ông Trần Hải Đăng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/06/2020 về việc “*ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang chấp hành án cải tạo tại đội 13, phân trại số 1, Trại giam Ninh Khánh, Cục C10, Bộ Công An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng H vào ngày 05/11/2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H, không tu trí làm ăn, mắc tệ nạn xã hội vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Đến tháng 7/2019 anh H bị đi Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử 2 năm 06 tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” và chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, Hoa Lư Ninh Bình. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị A xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 17/7/2013 và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 16/4/2015 các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay chị A xin nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản Khai của anh Nguyễn Trọng H trình bày: Việc kết hôn như chị A trình bày là đúng. Anh kết hôn với chị A vào ngày 05/11/2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H, không tu trí làm ăn, mắc tệ nạn xã hội nhiều lần anh cũng muốn từ bỏ nhưng không bỏ được, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Đến tháng 7/2019 anh bị đi Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử 2 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và chấp hành án tại Trại giam Ninh KhA, Cục C10 Bộ Công an ở Hoa Lư Ninh Bình. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị A xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung như chị A trình bày là đúng, cháu Nguyễn Thị Ánh D sinh ngày 17/7/2013 và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 16/4/2015 các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay chị A xin nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Do anh đang chấp hành án tại trại cải tạo không có điều kiện nuôi con, nên anh cũng nhất trí giao cho chị A trực tiếp nuôi cả 02 con chung. cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác vợ chồng không có nên anh không yêu cầu giải quyết. Do anh đang ở trong trại cải tạo không đến tham gia phiên tòa được nên anh xin vắng mặt.

*Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

\* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A: Xử cho chị A được ly hôn anh H.

- Về con chung giao cho chị A được trực tiếp nuôi cả 2 con chung, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét giải quyết
- Về tài sản, công nợ chị A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

#### **[1] Về Tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị A và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng H có địa chỉ Xóm G, xã Đ, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án do anh H đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh không đến tham gia phiên tòa, anh H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trọng H.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị A kết hôn với anh Nguyễn Trọng H vào ngày 05/12/2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi bời, không tu trí làm ăn, mắc tệ nạn xã hội, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được lên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A là có căn cứ chấp nhận: Cần áp dụng điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 17/7/2013 và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 16/4/2015 các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay các cháu đang ở với chị A. Xét thấy hiện nay anh H đang cải tạo ở trại giam, không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, chị A xin được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên cần giao cả 02 con cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, khoản 1, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh D, sinh ngày 17/7/2013 và Nguyễn Trọng D, sinh ngày 16/4/2015. Chị A không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Về tài sản, công nợ chị A không yêu cầu giải quyết.

Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002339 ngày 09/6/2020 do Chi cục Thi hành án huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Công thông tin điện tử Tòa án Tối cao.

#### **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

#### **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Vân Anh**